

Các vật dụng Phụng Vụ thông thường

Các vật dụng phụng vụ -thường được gọi một cách nôm na là "đồ thánh", "đồ lễ", "đồ thờ"

Là những vật dụng Phụng vụ dùng để chứng bày hoặc trực tiếp sử dụng trong việc cử hành Thánh lễ, các bí tích và á bí tích. Vì được đưa vào việc cử hành phụng thờ Thiên Chúa, các vật dụng này phải xứng đáng, mỹ thuật và chắc chắn.

Người phụ trách phòng thánh, ủy viên phụng vụ giáo xứ, cũng như người giúp lễ, nên biết các vật dụng này, để dọn ra khi sắp có cử hành phụng vụ hoặc để giữ gìn cho xứng với mục đích của chúng là phục vụ việc thờ phượng Chúa.

Các vật dụng này thay đổi về số và loại theo tính cách của buổi cử hành.

Tập tài liệu này chỉ ước muốn được liệt kê một số vật dụng thông thường và ý nghĩa của chúng trong Phụng vụ. Dù thế, vì thời gian hạn chế, vẫn còn những vật dụng khác không được nêu danh. Ước mong sẽ bổ túc trong tương lai.

NB. Vật dụng có chú chữ xiên đặt trong ngoặc đơn, là tên của vật dụng đó trong tiếng Pháp (F), tiếng Anh (E), tiếng Latinh (L).

Nhà thờ (F: *église*, E: *church*; L: *ecclesia*)

Trong những thế kỷ đầu, Giáo hội chưa có Nhà thờ, giáo hữu thường tụ họp trong các tư gia, dưới các hang toại đạo để cầu nguyện và cử hành các Bí tích. Danh từ *Nhà thờ* khi đó được dùng để chỉ cộng đoàn được tụ họp để cử hành Phụng vụ. Đến khi đế quốc Rôma cho tự do tôn giá vào thế kỷ 4, việc xây cất Nhà thờ mới được đặt ra. Các toà nhà được xây cất hoặc được dâng hiến để dùng vào việc thờ phượng Chúa, được gọi là Nhà thờ.

Nhà thờ ngày nay là biểu tượng của Giáo hội (chữ *église*, *church*, *ecclesia* viết thường có nghĩa là Nhà thờ, viết hoa có nghĩa là Giáo hội). Nơi đó, dân Chúa tập họp để nghe Lời Chúa, cùng nhau cầu nguyện, lãnh nhận các Bí tích, cử hành Thánh lễ.

Trước khi sử dụng một ngôi Nhà thờ mới, phải thánh hiến hoặc phải làm phép Nhà thờ đó. Theo Bộ Giáo Luật (GL) khoản 1217, 2 phải cung hiến Nhà thờ Chính toà và Nhà thờ Giáo xứ.

Khi cung hiến, Nhà thờ phải chọn một tước hiệu về Chúa, về Mẹ Maria hoặc về một vị thánh, ví dụ tước hiệu của Nhà thờ Phủ Cam là Đức Mẹ BanƠn. Tước hiệu này có thể là bản mạng Giáo xứ, nhưng cũng có thể chọn một tước hiệu khác với bản mạng Giáo xứ, ví dụ bản mạng của Nhà thờ Phủ Cam là hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô. Tuy nhiên, không được lấy tên một chân phước làm tước hiệu Nhà thờ.

Theo GL 1271, 1 đối với Nhà thờ họ nhánh, Nhà thờ tu viện, Nhà thờ của trung tâm hành hương, thì không buộc phải cung hiến, nhưng chỉ cần làm phép.

Khi Nhà thờ đã được cung hiến, thì hằng năm, ngày giáp lễ cung hiến Nhà thờ đó phải là ngày lễ trọng đối với Giáo xứ đó.

Trong mỗi Giáo phận có thể có 5 loại Nhà thờ:

- **Nhà thờ Chính toà** (F: *Cathédrale*; E: *Cathedral*; L: *Cathedralis ecclesia*) :

Là Nhà thờ chính của Giáo phận, là nơi đặt ngai tòa của Giám mục Giáo phận. Mỗi Giáo phận chỉ có một Nhà thờ Chính toà và phải được coi là trung tâm đời sống phụng vụ của Giáo phận. Nhà thờ Chính toà phải được cung hiến cách trọng thể.

- **Nhà thờ Giáo xứ** (F: *église paroissiale*; E: *church*; L: *ecclesia*):

Là Nhà thờ chính của một Giáo xứ. Mỗi Giáo xứ chỉ có một Nhà thờ chính, các Nhà thờ khác phải được coi là Nhà thờ họ nhánh (hoặc Nhà thờ giáo họ). Nhà thờ Giáo xứ phải được cung hiến cách trọng thể.

- **Thánh điện** (F: *Sanctuaire*; E: *Sanctuary*; L: *Sacrarium*) :

Là Nhà thờ gắn liền với một Trung tâm hành hương.

Có 3 loại Thánh điện:

- Thánh điện cấp Giáo phận: do Giám mục Giáo phận xác định quy chế.

- Thánh điện cấp Quốc gia: do Hội đồng Giám mục xác định quy chế.

- Thánh điện cấp Quốc tế: do Toà Thánh xác định quy chế.

Nhà nguyện (F: *Chapelle*; E: *Chapel*; L: *Sacellum*):

Là Nhà thờ của một tu viện hay của một trung tâm tĩnh tâm. Nhà nguyện không thuộc cơ sở Giáo xứ, nhưng được Giám mục Giáo phận cho phép để một cộng đoàn hay một nhóm người nào đó cử hành Phụng vụ hay cầu nguyện.

Phòng nguyện (F: Oratoire; E: Oratory; L: Oratorium):

Thông thường là một căn phòng nhỏ, có Bàn thờ và có thể có Nhà Tạm Minh Thánh Chúa. Nơi đó, linh mục có thể làm lễ hoặc một cộng đoàn tu sĩ nhỏ cầu nguyện, cầu Minh Thánh Chúa. Khi dùng một căn phòng làm Phòng nguyện thì luôn luôn phải có phép Giám mục Giáo phận (x. **GL 1226**).

Trên thế giới, Toà Thánh cũng ban danh tước cho một số Nhà thờ đóng vai trò quan trọng trong một quốc gia hay trong toàn thể Giáo hội. Có 2 danh tước:

Tiểu Vương Cung Thánh Đường (F: Basilique; E: Basilica; L: Basilica)

Danh tước này được ban cho một số Nhà thờ đặc biệt tại các Trung tâm hành hương, như Vương Cung Thánh Đường Lộ Đức, Lisieux, Montmartre ở Pháp; Vương Cung Thánh Đường La Vang, Sài Gòn ở Việt Nam.

Đại Vương Cung Thánh Đường

Danh tước này chỉ được ban cho 4 Nhà thờ ở Rôma:

- Đền thờ Latêranô.
- Đền thờ Thánh Phêrô.
- Đền thờ Đức Bà Cả.
- Đền thờ Thánh Phaolô ngoại thành.

Thánh giá (F: Croix; E: Cross; L: Crux)

Chúa Giêsu dùng Thánh giá để thực hiện công cuộc cứu độ nhân loại, nên người Kitô hữu tôn kính Thánh giá cách đặc biệt và gắn Thánh giá ở nhiều nơi. Thánh giá được gắn trên tháp Nhà thờ, trên Cung thánh, trên các tường Nhà thờ đã được cung hiến, trên cổng Nhà thờ, được đeo trên ngực Giám mục và Viện phụ. Thánh giá dẫn đầu các cuộc rước kiệu, được vẽ hoặc thêu trên áo lễ. Người tín hữu chưng Thánh giá trên bàn thờ gia đình, trong phòng riêng, trên bàn làm việc, ghi hình Thánh giá trên trán, trên miệng và trên ngực, đeo Thánh giá trong cổ. Thánh giá còn được ghi trên lễ vật, trên sách Phúc Âm, trên trán người lãnh nhận Bí tích Rửa tội, Thêm sức, Xức dầu Bệnh nhân, Truyền chức thánh, trên những vật dụng được làm phép. Và Thánh giá cũng được xây trên phần mộ của mọi tín hữu.

Đặc biệt, để biểu lộ đức tin vào giá trị cứu độ của Thánh lễ và để nói lên mối liên kết chặt chẽ giữa Hy tế Thập giá và Thánh lễ, Giáo hội buộc phải chưng Thánh giá mỗi khi cử hành Thánh lễ. Theo Quy chế Tổng quát của Sách lễ Rôma (RM) năm 2000, khi cử hành Thánh lễ, Thánh giá phải luôn luôn có tượng Chúa Giêsu chịu tử nạn, thường gọi là Tượng Chịu nạn hay Tượng Chuộc tội. Tượng Chịu nạn này phải để trên Bàn thờ hay gần Bàn thờ, và phải đặt thế nào cho cộng đoàn trông thấy dễ dàng (RM 122; 308). Do quy định này, khi dọn Thánh giá cho Thánh lễ, Thánh giá phải quay mặt hình Chúa Chịu nạn ra phía cộng đoàn; chỉ trong trường hợp nơi cử hành Thánh lễ đã có một tượng Chúa Chịu nạn quay mặt về phía cộng đoàn (như trong Nhà thờ đã có sẵn tượng Chúa Chịu nạn trên Cung thánh) thì mới có thể quay mặt tượng Chúa Chịu nạn nhỏ trên Bàn thờ về phía chủ tế. Cũng nhằm tránh đặt 2 tượng Chúa Chịu nạn trên Cung thánh, phải cất Thánh giá đi đầu đoàn rước vào phòng thánh sau khi đã kết thúc nghi thức rước kiệu. Trong các lễ trọng, chủ tế xông hương tượng Chúa Chịu nạn ba lần.

Tại các Nhà thờ Việt Nam hiện nay, để tôn kính Thánh giá, Thánh giá luôn được treo cao ở trung tâm bức vách chính của Cung thánh để mọi người nhìn thấy cách dễ dàng và cúi đầu thờ lạy mỗi khi vào Nhà thờ. Cũng vì được treo cao, Thánh giá ít được chăm sóc, dễ bị bụi bám. Người phụ trách phòng thánh phải quan tâm đến sự xứng đáng của Thánh giá và lau chùi sạch sẽ nhất là trong các dịp lễ lớn.

Bàn thờ (F: Autel; E: Altar; L: Altare)

Trong tiếng Latinh, từ Bàn thờ (altare) bắt nguồn từ chữ altus, có nghĩa là cao. Ban đầu Bàn thờ hay tế đàn, là một nơi cao dùng để làm điểm liên kết giữa trời với đất, giữa Thiên Chúa với con người. Bởi vậy các ngọn núi hay các quả đồi là những nơi thường được chọn để xây dựng các tế đàn. Nếu gặp một miền đất bằng, người ta cũng đắp một nơi cao để dựng tế đàn, đặt Bàn thờ.

Trong Giáo hội, Bàn thờ là nơi hy tế Thập giá được hiện tại hóa, được tái diễn dưới dấu chỉ Bí tích, đồng thời là bàn tiệc Thánh Thể của Chúa Kitô. Khi cử hành Thánh lễ, Bàn thờ là trung tâm điểm mà mọi người phải hướng đến (RM 259). Trong nghi thức thánh hiến Bàn thờ, Đức Giám mục đổ dầu thánh trên bốn góc và ở trung tâm Bàn thờ và biến Bàn thờ ấy trở thành biểu tượng của Chúa Kitô. Kinh Tiền tụng Phục Sinh V tuyên xưng: “Khi hiến thân cứu độ chúng con, chỉ một mình Người (Chúa Kitô) là Bàn thờ, tự tế và lễ vật”. Khi cử hành Thánh lễ, dân Chúa quy tụ quanh Bàn thờ, như quy tụ quanh Chúa Giêsu. Vì thế, chủ tế bái chào, hôn kính và xông hương Bàn thờ trước khi cử hành Thánh lễ. Giáo hội khuyên nên duy trì truyền thống đặt hài cốt các thánh dưới Bàn thờ cổ định.

Quy chế Tổng quát Sách Lễ Rôma (RM) không cho phép đặt trên Bàn thờ bất cứ vật dụng nào không được trực tiếp dùng để cử hành Thánh lễ (RM 306) như bình hoa, mâm quả, cũng không được đặt tượng Đức Mẹ, tượng các thánh lên Bàn thờ để dâng hoa hay để làm tuần tam nhật, cửu nhật.

Có hai loại Bàn thờ. Bàn thờ cố định là Bàn thờ không xê dịch, thường làm bằng đá hay bằng gỗ tốt và bền. Bàn thờ di động là bàn thờ có thể xê dịch đi nơi khác, làm bằng gỗ thường. Chỉ có Bàn thờ cố định mới được thánh hiến. Bàn thờ di động chỉ cần được làm phép do Giám Mục Giáo phận hay Linh mục Quản xứ (RM 300).

Luật Phụng vụ không quy định hình dáng của Bàn thờ. Do đó Bàn thờ có thể là hình chữ nhật, hình vuông, hình bầu dục, hình tròn. Nhưng tốt nhất là nên chọn hình chữ nhật, vì hình này thuận lợi cho việc bày trí các vật dụng phụng vụ trên Bàn thờ.

Khăn Bàn thờ (F: Nappe, E: Altar cloth, L: Tobale)

Bàn thờ luôn được phủ một tấm khăn màu trắng, gọi là khăn Bàn thờ. Theo phép lịch sự đời thường, khi dọn tiệc người ta luôn phủ khăn trên bàn ăn. Khăn Bàn thờ cũng nhắc cho tín hữu biết Bàn thờ là bàn tiệc Thánh Thể, nơi Chúa Giêsu trở nên lương thực nuôi dưỡng linh hồn họ. Khăn này phải là khăn màu trắng, vì màu trắng gắn liền với biến cố Vượt qua của Chúa Kitô và với sự Phục sinh của Người. Do đó, dù Bàn thờ được chạm trổ công phu hay bằng gỗ quý thì cũng phải trải khăn trắng khi cử hành Thánh lễ. Không được vì muốn tôn vẻ đẹp của Bàn thờ mà chỉ trải một Khăn thánh khi làm lễ. Tuy nhiên, ở phần rú của khăn, có thể thêu những hình nghệ thuật thánh để tôn vẻ đẹp cho Bàn thờ.

Người phụ trách phòng thánh nên lưu ý đặc biệt về khăn Bàn thờ:

1. Phải trải khăn ngay ngắn, đường tâm Bàn thờ phải trùng với đường tâm khăn.
2. Phải tẩy các vết bẩn để khăn luôn giữ màu trắng tinh tuyền.

Nhà tạm (F: Tabernacle; E: Tabernacle; L: Tabernaculum)

Trong tiếng Latinh, từ Tabernaculum (Nhà tạm) có nghĩa là cái lều, là nơi ở tạm thời. Trong Cựu Ước, Nhà tạm -cũng gọi là trướng tạo phùng- là nơi đặt Hòm bia Giao ước, nơi Chúa chọn để gặp gỡ ông Môsê và dân Chúa suốt cuộc hành trình trong sa mạc. Dân coi đó là nơi Chúa ngự.

Từ đầu cho đến thế kỷ 16, trong Nhà thờ Kitô giáo không có Nhà tạm như hiện nay, mà chỉ có nơi cất giữ Mình Thánh Chúa cho bệnh nhân và những người vắng mặt trong buổi lễ. Giáo dân rước Mình Thánh Chúa trong Thánh lễ, phần Mình Thánh Chúa còn lại được cất giữ một nơi xứng đáng trong Nhà thờ, để các Phó tế và Linh mục đem đi phân phát cho bệnh nhân và những người già không thể đến dự lễ.

Đến thế kỷ 16 khi Giáo hội phải giáo dục dân Chúa về sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể dưới hình bánh và để đáp ứng lòng tôn sùng Thánh Thể của dân Chúa qua việc châu Thánh Thể, thì việc lưu giữ Mình Thánh Chúa trong Nhà tạm mới thịnh hành. Các Nhà thờ đều có Nhà tạm, được thiết kế ở một nơi xứng đáng trong một gian nhánh Nhà thờ hay trong Cung thánh.

Quy chế Sách lễ Rôma 2000 quy định ba điểm về Nhà tạm như sau :

1. Nhà tạm phải được làm bằng chất liệu chắc chắn (gỗ, kim loại, đá); phải tránh mọi nguy cơ phạm thánh (gắn chặt vào tường, vào đế, có khoá); và không được trong suốt.
2. Có thể đặt Nhà tạm ở một nơi trong gian nhánh hay trong Cung thánh. Nếu đặt trong Cung thánh, thì phải thiết kế đối xứng với nơi đặt sách Thánh Kinh (không phải Thư đài), hoặc chính trung tâm Cung thánh ngay sau Bàn thờ.
3. Dù đặt ở vị trí nào, Nhà tạm cũng phải có một đèn châu bên cạnh, ngày đêm thấp sáng, để nhắc nhở cho mọi người biết sự hiện diện cao trọng của Thánh Thể Chúa Giêsu Kitô.

Trong nhiều Nhà thờ, Nhà tạm được che bằng một tấm vải ở cửa Nhà tạm hay được phủ bằng một tấm vải lớn. Ta gọi đó là khăn Nhà tạm (F: Voile; E: Veil; L: Velum). Khăn này thường được trang trí bằng các hình thêu mỹ thuật. Khăn này làm cho Nhà tạm trở nên như chiếc lều, như căn phòng trong đó có Chúa Giêsu là Đấng “vui thích ở giữa dân Ngài”.

Đối với người phụ trách phòng thánh, cần lưu ý những điểm sau:

- Lau bụi và các vết bẩn, đặc biệt là trên mái Nhà tạm.
- Xem lịch Phụng vụ để dọn khăn Nhà tạm cùng màu với áo lễ.
- Nếu đèn Nhà tạm là đèn dầu, phải châm thêm dầu, khơi bắc và lau khói bám vào bóng đèn. Nếu đèn Nhà tạm là đèn điện, cũng nên dự liệu một đèn dầu, để phòng khi cúp điện. Phụng vụ không quy định màu của đèn Nhà tạm, nhưng theo truyền thống, nên dùng màu đỏ hoặc trắng và không chói.
- Nên chưng hoa tươi cạnh Nhà tạm, nhất là trong ngày lễ lớn, để nơi Chúa ngự có thêm phần trang trọng, hầu nhắc nhở giáo dân ý thức về sự hiện diện và tình thương yêu của Chúa Giêsu là Đấng đã phán: “*Này Ta ở với các con mọi ngày cho đến tận thế*”.
- Vách trong của Nhà tạm thường được lót bằng vải trắng hoặc sơn màu trắng vốn là màu Thánh Thể. Nếu tấm đáy Nhà tạm cũng được lót bằng vải, thì nên dùng đinh cố định tấm vải đó, hoặc thay thế bằng tấm lót đó bằng gỗ mỏng hoặc bằng formica màu trắng, để khi đưa Bình thánh vào Nhà tạm, không làm nhàu tấm vải lót.

Chén thánh (F: Calice; E: Chalice; L: Calix)

Được gọi là chén, nhưng Chén thánh có hình dáng một chiếc ly có chân. Chén thánh dùng để đựng rượu nho sẽ trở thành Máu Thánh Chúa, là “Máu Giao Ước mới và vĩnh cửu” của Thiên Chúa ký kết với loài người. Cho

nên Chén thánh phải được làm bằng chất liệu quý giá như vàng, bạc và được chạm trổ trang trí mỹ thuật, cho tương xứng với sự cao quý của nó. Cũng để nói lên tính cách xứng đáng của chén đựng Máu Thánh Chúa cực trọng, mà Giáo hội rất khuyên không nên dùng chén thánh bằng pha lê, thủy tinh, sành, sứ vốn là những chất liệu dễ vỡ, hoặc bằng các thứ kim loại dễ méo móp.

Mỗi Nhà thờ nên có ít nhất là 2 Chén thánh, một cái dùng tại Bàn thờ chính, một cái dùng cho các Thánh lễ tế nhà giáo dân (như lễ cầu hôn tại gia) và cho Thánh lễ đồng tế. Người phụ trách phòng thánh phải cất Chén thánh vào tủ (có khoá càng tốt), chỉ dọn ra bàn rượu nước khi có Thánh lễ. Khi dọn Chén thánh, nên lau cả bên trong lẫn bên ngoài chén. Đặc biệt Chén thánh bị mòn lớp mạ, cần lau sạch cả bên trong vì nếu không, khăn tuyết rất mau dơ.

Trong các dịp lễ có tổ chức đoàn dâng lễ vật, không nên rót rượu vào Chén thánh rồi trao cho đoàn dâng lễ vật, nhưng nên trao cho họ chai rượu. Nếu đoàn muốn dâng Chén thánh, nên đặt Chén thánh lên khay có phủ khăn, trên Chén thánh đặt Khăn thánh và tấm dầy (palla).

Dĩa thánh (F: Patène; E: Paten; L: Patena)

Dĩa thánh có hình tròn và hơi lõm, dùng để đựng bánh lễ sẽ được truyền phép để trở nên Mình Thánh Chúa Kitô. Cũng như Chén thánh, Dĩa thánh cũng phải được làm bằng nguyên liệu quý giá, xứng hợp với công dụng của nó. Người phụ trách phòng thánh phải chuyên cần lau Dĩa thánh như Chén thánh.

Trong các dịp lễ có đoàn dâng lễ vật, thường người ta chọn một Dĩa thánh lớn, có phủ khăn, để đựng bánh lễ lớn. Dĩa này có thể bằng gỗ trang trí mỹ thuật. Cũng nên đặt bánh lễ lên giá đỡ để cộng đoàn dễ nhìn thấy rõ ràng tấm bánh được dâng làm lễ vật.

Trong mùa khí hậu ẩm ướt, phải bảo quản bánh lễ khỏi bị ẩm và mốc, đặc biệt đối với bánh lớn. Nên chia bánh nhỏ thành những gói, bỏ vào bao nilông, buộc kín, rồi cất vào hộp lớn. Khi dùng, chỉ mở lấy số lượng bánh cần dùng; còn đối với bánh lớn, mỗi bánh nên đựng vào mỗi bao nilông riêng và chỉ mở bao nilông ngay trước Thánh lễ.

Khăn thánh (F: Corporal; E: Corporal; L: Corporale)

Trong tiếng Latinh, Khăn thánh được gọi là corporale, bởi tiếng corpus có nghĩa là thân mình. Được gọi là Khăn thánh (corporale) vì Mình Thánh Chúa được đặt ngay trên chiếc khăn này. Khăn thánh là khăn màu trắng, hình vuông, gấp thành 9 ô vuông. Ở trung tâm Khăn thánh hoặc ở một trong những ô vuông đó có thêu hình Thánh giá. Khi xếp khăn thành 9 ô vuông, bề mặt hình Thánh giá phải nằm bên trong khăn.

Mỗi khi cử hành Thánh lễ, phải trải khăn này lên Bàn thờ. Chén thánh, Dĩa thánh, Bình thánh phải được đặt trên khăn này. Trong Thánh lễ có đồng Linh mục đồng tế, phải trải thêm vài Khăn thánh khác, để các Bình thánh và Chén thánh luôn được đặt trên các khăn này. Thông thường, trong Thánh lễ có đồng Linh mục đồng tế, người phụ trách phòng thánh nên dọn ba Khăn thánh. Khăn thánh chính dùng cho chủ tế, hai Khăn thánh khác dùng để trải hai góc Bàn thờ, để đặt Chén thánh và Bánh thánh cho các Linh mục đồng tế rước lễ.

Người phụ trách phòng thánh không nên trải Khăn thánh trước lễ. Chính Linh mục sẽ trải Khăn thánh khi đến phần dâng lễ vật.

Khi dọn đồ lễ, người phụ trách phòng thánh đặt Khăn thánh (đã xếp thành chín ô) trên tấm dầy. Tấm dầy (F: Pale; E: Pail; L: Palla) là một tấm hình vuông hoặc tròn, dày và cứng, màu trắng, thường có trang trí mỹ thuật. Tấm dầy dùng để dầy miệng Chén thánh, hầu tránh bụi hoặc côn trùng rơi vào rượu thánh, nhất là khi cử hành Thánh lễ ngoài trời và vào mùa côn trùng nở rộ.

Khăn tuyết (F: Purificatoire; E: Purificator; L: Purificatorium)

Trong tiếng Latinh, từ purificatorium đến từ tính từ purus có nghĩa là sạch sẽ và động từ facere có nghĩa là làm. Khăn tuyết là khăn dùng để làm sạch Chén thánh, nên còn gọi là Khăn lau chén. Khăn này màu trắng, có thêu Thánh giá ở trung tâm, hình chữ nhật gấp ba phần bằng nhau theo chiều dọc. Vì dùng để lau khô, nên vài Khăn tuyết phải là thứ vải thấm nước.

Khi dọn đồ lễ, người phụ trách phòng thánh dọn Khăn tuyết ngay trên miệng Chén thánh, dưới tấm dầy và Khăn thánh. Vì khăn này dễ dơ và ướt, ta năng thay khăn. Sau lễ, phơi khăn nơi chỗ thoáng gió để khăn khỏi bị thâm kim.

Bình thánh (F: Ciboire; E: Ciborium; L: Ciborium)

Bình thánh có hình dạng một bán cầu có chân, dùng để đựng Bánh thánh phân phát cho giáo dân. Bình thánh có nắp dầy và thông thường có Thánh giá ở đỉnh nắp. Sau phần rước lễ, Mình Thánh Chúa được cất trong Bình thánh, lưu giữ trong Nhà tạm để mọi người tôn kính, kính viếng hoặc để mang cho những người yếu liệt rước lễ.

Có một vật dụng nhỏ dùng để đựng vài bánh thánh cho các người yếu liệt tại tư gia. Đó là hộp đựng Mình Thánh Chúa (F: custode; E: host container; L: custos). Hộp này thường có hình tròn, làm bằng chất liệu bền, chắc như đồng mạ vàng, bạc mạ vàng... . Khi dọn đồ thánh ta đặt hộp này trên Khăn thánh.

Mỗi Giáo xứ, tùy số lượng giáo dân mà trang bị nhiều hay ít Bình thánh. Tuy nhiên, cần có một bình dự phòng cho Thánh lễ tại nhà tang.

Bình rượu nước, đĩa hứng nước, khăn ngón và đĩa hứng vụn bánh thánh

(F: Burette; E: Cruet; L: Ampulla)

Bình rượu (burette d'eau) dùng cho Thánh lễ là một chiếc bình nhỏ, trong suốt, không màu; cũng có thể dùng một chai nhỏ xinh xắn thay thế bình này. Bình rượu thường có nắp đậy hoặc nắp vặn. Những bình nghệ thuật thường có quai cầm và miệng nhỏ chỉ đường rót rượu ra khỏi bình.

Bình nước (burette de vin) có hình dạng như bình rượu, chỉ khác là để đựng nước dùng để pha vào rượu và để tráng chén sau phần Hiệp lễ. Ý nghĩa của giọt rượu pha vào nước được Linh mục đọc thầm: “Nhờ máu chỉ nước pha vào rượu này, xin cho chúng con được tham dự vào thần tính của Đấng đã đoái thương thông phần nhân tính của chúng con”. Bình nước cũng được dùng để Linh mục rửa tay sau phần Dâng lễ vật. Ngày nay, có nhiều Nhà thờ dùng một chén riêng để đựng nước rửa tay cho Linh mục. Ý nghĩa việc rửa tay được Linh mục đọc thầm khi ngài rửa tay: “Lạy Chúa, xin rửa con sạch hết lỗi lầm; tội con phạm, xin Ngài thương thanh tẩy”. Nếu dùng bình nước để rót ra cho Linh mục rửa tay, thì cần một đĩa hứng nước dơ.

Đĩa hứng vụn Bánh thánh (F: plateau; E: communion paten; L: patena) thông thường làm bằng kim loại hoặc gỗ, có hình trái xoan (hình thuôn), hơi lõm, để hứng các vụn Bánh thánh có thể rơi xuống khi Linh mục cho giáo dân rước lễ. Sau phần rước lễ, chú giúp lễ đặt đĩa này lên bàn tráng chén hoặc đặt trên Bàn thờ để Linh mục gạt vụn Bánh thánh vào Chén thánh.

Sau khi rửa tay xong, Linh mục cần một khăn để lau khô tay. Khăn này được gọi là khăn ngón (F: manuterge; E: napkin; L: manutergium) hay khăn tay. Khăn này có hình chữ nhật, màu trắng được xếp thành nhiều lớp, làm bằng vải thấm nước. Trên khăn này không thêu Thánh giá. Sau giờ lễ, nên mở khăn ra phơi nơi thoáng gió để khăn chóng khô. Mỗi Nhà thờ phải có ít nhất vài khăn ngón để thay đổi nhau.

Bình rượu nước và đĩa hứng nước dễ bị bẩn. Mỗi tuần, người phụ trách phòng thánh nên chùi sạch. Ngoài ra, khi cất vào tủ, nên đậy kín bình rượu nước, để tránh gián kiến rơi vào. Nếu có điều kiện, nên có hai bộ bình rượu nước, hai đĩa hứng nước và hai chén đựng nước rửa tay, bộ tốt dùng cho lễ trọng.

27. Sách Lễ Rôma:

(F: Missel ; E: Missal; L: Missale)

Sách Lễ Rôma là sách Linh mục dùng để đọc khi làm lễ, cho nên sách này luôn được dọn lên Bàn thờ mỗi khi cử hành Thánh lễ.

Nội dung chủ yếu gồm Quy chế Tổng quát về Sách Lễ Rôma, Lời nguyện của các Thánh lễ, phần Thường lễ và các Kinh nguyện Thánh thể, các chỉ dẫn về nghi thức phải tuân hành.

Vì đây là cuốn sách rất cần để Linh mục làm lễ, đồng thời có những chỉ dẫn quý báu, nên cần lược qua nội dung của sách:

1. Tông hiến Công bố Sách Lễ Rôma, của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI.

2. Quy chế Tổng quát về Sách Lễ Rôma:

- Chương I:

Tầm quan trọng và sự cao quý của việc cử hành Thánh lễ.

Thánh lễ là hành động của Chúa Kitô và của dân Chúa, là trung tâm của đời sống Kitô hữu, là hành động phụng tự của nhân loại dâng lên Chúa Cha, qua đó Thiên Chúa thánh hóa toàn thể nhân loại.

Do đó, phải chuẩn bị chu đáo để mọi người tham dự cách ý thức, tích cực và đầy đủ.

- Chương II: Cơ cấu Thánh lễ, các yếu tố và các phần của Thánh lễ.

+ Về cơ cấu, Thánh lễ có 2 phần chính là Phụng vụ Lời Chúa và Phụng vụ Thánh Thể; 2 phần phụ là nghi thức mở đầu và nghi thức kết thúc.

+ Về yếu tố, Thánh lễ có các yếu tố sau đây:

Lời Chúa và diễn giải Lời Chúa.

Các Lời nguyện của Chủ tế, kể cả các Kinh nguyện Thánh Thể.

Các bài hát.

Cử chỉ và cử điệu tỏ bày lòng tôn kính.

Thinh lặng hồi tâm, thống hối, suy gẫm hoặc tâm sự với Chúa.

+ Về các phần, Thánh lễ gồm có các phần sau đây:

Nghi thức đầu lễ gồm:

- Ca Nhập lễ.

- Lời chào bao gồm bài chào Bàn thờ, Thánh giá, chào cộng đoàn.

- Hành động thống hối.

- Kinh Thương xót.

- Kinh Vinh Danh.
 - Lời nguyện Nhập lễ.
- Phụng vụ Lời Chúa gồm:
- Các Bài đọc Cựu ước và Tân Ước.
 - Đáp ca.
 - Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô.
 - Diễn giảng.
 - Kinh Tin Kính.
 - Lời nguyện cho mọi người (Lời nguyện Tín hữu, Lời nguyện Đại đồng).

Phụng vụ Thánh Thể là phần cử hành lại việc chính Chúa Giêsu đã làm và truyền phải làm để tưởng nhớ đến Người.

Phần này gồm:

- Tiến dâng lễ vật.
- Kinh Nguyện Thánh Thể. Hiện nay có 13 Kinh Nguyện Thánh Thể (KNTT):
- * 4 KNTT thông thường.
- * 2 KNTT Giao hòa.
- * 4 KNTT cho những nhu cầu khác nhau.
- * 3 KNTT dành cho trẻ em.
- Hiệp lễ.

Nghi thức kết thúc Thánh lễ.

- Chương III: Quy định nhiệm vụ và phận sự của Chủ tế, phó tế, các thừa tác viên, ca đoàn và giáo dân trong Thánh lễ.

- Chương IV: Xác định Thánh lễ theo địa vị quan trọng; thứ tự như sau:

Thánh lễ do ĐGM chủ sự giữa Linh mục đoàn, các thừa tác viên và mọi thành phần dân Chúa trong Giáo phận.

Thánh lễ tại giáo xứ.

Thánh lễ trong các tu viện.

Thánh lễ nhóm, Thánh lễ tại tư gia.

Xác định các hình thức Thánh lễ:

Thánh lễ có giáo dân tham dự.

Thánh lễ đồng tế.

Thánh lễ không có giáo dân tham dự.

Một số quy luật chung cho tất cả các hình thức Thánh lễ.

- Chương V: Quy định cách xếp đặt và trang trí về Cung thánh, Bàn thờ, Nhà tạm, ảnh tượng, giảng đài, ghế dành cho chủ tế, cho người giúp lễ, cho ca đoàn và cho giáo dân.

- Chương VI: Quy định các vật dụng tối cần để cử hành Thánh lễ là bánh rượu, chén thánh và phẩm phục. Ngoài ra, tùy hoàn cảnh và tùy loại Thánh lễ, còn cần các vật dụng khác.

- Chương VII: Quy định việc lựa chọn các Thánh lễ, các kinh Tiền tụng, các Kinh nguyện Thánh Thể và các bài hát.

- Chương VIII: Quy định Thánh lễ tùy nhu cầu và Thánh lễ cầu cho người qua đời.

Thánh lễ tùy nhu cầu gồm 3 loại:

+ Thánh lễ có nghi thức riêng là Thánh lễ trong đó có ban bí tích hoặc á bí tích, như Rửa tội, Thêm sức, Hôn phối, Truyền Chức thánh, Xức dầu Bệnh nhân, Cung hiến Nhà thờ, An táng, Khấn dòng.

+ Thánh lễ cử hành trong một hoàn cảnh hay vào một thời kỳ nhất định, như:

- Lễ ba ngày Tết Âm lịch và tết Trung thu.

- Lễ cầu cho Hội thánh.

- Lễ cầu cho ĐGM Giáo phận.

- Lễ cầu cho LM.

- Lễ cầu cho Tu sĩ.

- Lễ cầu cho Giáo dân

+ Thánh lễ ngoại lịch là Thánh lễ được lựa chọn theo lòng đạo đức của giáo dân, để kính nhớ các mầu nhiệm của Chúa, để kính Đức Maria hay các thánh, như kính Danh thánh Chúa Giêsu, kính Đức Trinh nữ Maria...

Thánh lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời. Có 3 loại Thánh lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời:

- Thánh lễ an táng là Thánh lễ cuối cùng cầu cho người qua đời, với sự hiện diện của thi hài người quá cố và

an táng ngay sau đó.

- Thánh lễ hồi tử là Thánh lễ đầu tiên cầu cho người qua đời khi được ai tín.
- Thánh lễ cầu hồn là Thánh lễ cầu cho người qua đời, như lễ giỗ, lễ cầu hồn hằng ngày.

3. Những quy luật tổng quát về Năm Phụng vụ và Niên lịch.

4. Lịch Phụng vụ của Hội thánh Rôma.

5. Lời nguyện của các Thánh lễ Chúa nhật, lễ trọng và ngày thường trong tuần.

6. Phần Thường lễ.

7. Các kinh Tiền tụng.

8. Các Kinh nguyện Thánh Thể.

9. Các công thức ban Phép lành và Lời nguyện trên dân chúng.

10. Lời nguyện của các Thánh lễ kính các thánh (phần riêng).

11. Lời nguyện của các Thánh lễ kính các thánh (phần chung).

12. Lời nguyện của các Thánh lễ có nghi thức riêng, như các Thánh lễ liên quan đến bí tích Rửa tội, Thêm sức, Truyền chức, Hôn phối, Chúc phong Viện phụ Viện mẫu, Khấn Dòng, Cung hiến Nhà thờ, Bàn thờ...

13. Lời nguyện của các Thánh lễ cầu cho các nhu cầu khác nhau, như cầu cho Hội thánh, các thành phần và các nhu cầu trong Hội thánh, cầu cho các lợi ích chung, cầu trong một số trường hợp đặc biệt.

14. Lời nguyện của các Thánh lễ ngoại lịch, như tôn kính Chúa Ba Ngôi, Thánh Thể, Mầu Nhiệm Thập giá, Danh thánh Chúa Giêsu, tôn kính Đức Maria trong các tước hiệu của Người, các thánh...

15. Lời nguyện của các Thánh lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời.

16. Lời nguyện của các Thánh lễ theo truyền thống dân tộc.

17. Phần phụ lục: rảy nước thánh và mẫu Lời nguyện tín hữu.

28. Sách Bài đọc:

(F: Lectionnaire; E: Lectionary; L: Lectionarium)

Sách Bài đọc là sách ghi các bài đọc Cựu Ước, Tân Ước và bài Tin Mừng được đọc trong các Thánh lễ ngày Chúa Nhật, lễ trọng, lễ kính và lễ ngày thường trong tuần.

Bộ sách này gồm 5 cuốn có tên như sau:

1. Sách Lễ (Mùa Vọng và Mùa Giáng Sinh).

2. Sách Lễ (Mùa Chay và Mùa Phục Sinh).

3. Sách Lễ (Mùa Quanh Năm I).

4. Sách Lễ (Mùa Quanh Năm II).

5. Sách Lễ (Các Bài đọc), gồm các Bài đọc của các Thánh lễ chung, các Thánh lễ có nghi thức riêng, các Thánh lễ tùy hoàn cảnh, các Thánh lễ ngoại lịch, phần riêng các thánh.

29. Sách Nghi thức Gia nhập Kitô giáo của người lớn:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho việc cử hành các giai đoạn gia nhập Kitô giáo của người lớn, diễn ra trong Thánh lễ hoặc ngoài Thánh lễ; và nghi thức thu nhận những người đã chịu phép Rửa tội (như người theo các hệ phái Tin Lành, Chính thống giáo) vào thông công đầy đủ với Hội thánh Công giáo.

30. Sách Nghi thức Bí tích Thêm sức:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho việc cử hành bí tích Thêm sức trong và ngoài Thánh lễ, và nghi thức ban bí tích Thêm sức trong trường hợp nguy tử.

31. Sách Nghi thức cử hành Hôn nhân:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho việc cử hành hôn phối trong và ngoài Thánh lễ, dành cho hai người Công giáo và cho những đôi hôn phối được phép chuẩn khác đạo, nghi thức chúc lành cho những người đính hôn, cho những đôi vợ chồng trong dịp kỷ niệm ngày thành hôn.

32. Sách Nghi lễ Rửa tội trẻ nhỏ và Xức dầu Bệnh nhân:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho việc cử hành phép Rửa tội trẻ nhỏ, diễn ra trong hoặc ngoài Thánh lễ. Phần cuối của sách này dành cho việc cử hành bí tích Xức dầu Bệnh nhân; năm 1974, phần này được thay thế bằng sách Nghi thức Xức dầu Bệnh nhân và việc săn sóc họ theo mục vụ.

33. Sách Nghi thức Xức dầu Bệnh nhân và việc săn sóc họ theo mục vụ:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho việc đưa Mình Thánh Chúa cho bệnh nhân, cử hành bí tích Xức dầu Bệnh nhân, ban Cửa Ân Đàng, ban bí tích Thêm sức lúc nguy tử và nghi thức phó linh hồn những người hấp hối.

34. Sách Nghi lễ an táng và Thánh lễ cầu hồn:

Sách này gồm các chỉ dẫn về nghi thức, các Bài đọc Thánh Kinh, các Lời nguyện dành cho nghi thức nhập quan, canh thức tại nhà tang, di quan tới Nhà thờ, Thánh lễ an táng, nghi thức tại nghĩa trang và hạ huyệt.

35. Các sách khác liên quan đến phụng vụ:

Ngoài các Sách Lễ Rôma, sách Bài đọc và các sách nghi thức trên đây, các Linh mục và các Giáo xứ cũng có nhiều sách khác liên quan đến việc cử hành phụng vụ.

Các sách này không do Hội Đồng Giám Mục xuất bản và không được Tòa Thánh thừa nhận, nên không thể coi là sách phụng vụ. Các sách này ngày càng nhiều và càng phong phú.

Có thể liệt kê một vài ví dụ:

1. Bộ sách Bài đọc gồm 4 cuốn, của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ.
2. Cẩm nang các Nghi thức bí tích và á bí tích, (2003), của Lm Nguyễn Thế Thủ.
3. Nghi thức Tuần thánh, (1972), của Lm Giacôbê Nguyễn Văn Vi.
4. Nghi thức Tuần thánh, (2007), của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ.
5. Nghi thức an táng, (1996), của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ.
6. Sách Các phép, (không đề năm xuất bản và dịch giả).
7. Niềm tin và Hy vọng, (không đề năm xuất bản và soạn giả).
8. Nghi thức phong chức Giám mục, Linh mục và Phó tế, (không đề năm và dịch giả).
9. Sách Các Phép, (1983), của HY. GM. Trịnh Văn Căn.
10. Nghi lễ Cầu hồn, Cử hành Lời Chúa, Thánh ca, Viếng xác, của Giáo phận Vĩnh Long, (không đề năm xuất bản).
11. Các sách Lời nguyện Tín hữu, của nhiều soạn giả.
12. Các sách Viếng Thánh Thể, châu Giờ Thánh, Cầu nguyện trước Thánh Thể, của nhiều soạn giả.

Tác giả: Linh mục Antôn Dương Quỳnh

Nguồn tin: tonggiaophanhue.net

Ban PV CĐ Thánh Giuse Tacoma sưu tập.